

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1365

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Một tam giác vuông có cạnh huyền 41 và một cạnh góc vuông 40. Cạnh góc vuông còn lại bằng:

A. 5

B. 8

C. 11

D. 9

Câu 2: Phân tích đa thức $x^2 + 14x + 49$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 7)^2$ B. $(x - 7)^2$ C. $x(x + 14)$ D. $(x + 7)(x - 7)$ **Câu 3:** Phân tích đa thức $x^2 - 12x + 36$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 6)^2$ B. $x(x - 12)$ C. $(x - 6)(x + 6)$ D. $(x + 6)^2$ **Câu 4:** Phân tích đa thức $3x^2 + 18x$ thành nhân tử, ta được:A. $x(3x + 6)$ B. $3x(x + 18)$ C. $3(x^2 + 6x)$ D. $3x(x + 6)$ **Câu 5:** Phân tích đa thức $xy + 4x + y + 4$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 1)(y + 4)$ B. $(x + 1)(y + 1)$ C. $x(y + 4)$ D. $(x + 4)(y + 1)$ **Câu 6:** Tính nhanh giá trị biểu thức $32^2 - 28^2$:

A. 240

B. 232

C. 242

D. 244

Câu 7: Phân tích đa thức $x^2 - 5^2$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 5)^2$ B. $x(x - 5)$ C. $(x - 5)(x + 5)$ D. $(x - 5)^2$ **Câu 8:** Bậc của đơn thức $5x^5y^5$ là:

A. 10

B. 17

C. 9

D. 12

Câu 9: Phân tích đa thức $x^2 - 10x + 25$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 5)(x + 5)$

B. $x(x - 10)$

C. $(x - 5)^2$

D. $(x + 5)^2$

Câu 10: Phân tích đa thức $x^2 - 16x + 64$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x + 8)^2$

B. $(x - 8)^2$

C. $x(x - 16)$

D. $(x - 8)(x + 8)$

Câu 11: Phân tích đa thức $3x^2 + 6x$ thành nhân tử, ta được:

A. $3x(x + 2)$

B. $3x(x + 6)$

C. $x(3x + 2)$

D. $3(x^2 + 2x)$

Câu 12: Tích $2x^3 \cdot 8x^2$ có hệ số bằng:

A. 16

B. 25

C. 24

D. 12

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Bậc của đa thức $7x^4y^3 - 4xy + 2$ là: Trả lời:

Câu 2: Bậc của đơn thức $5x^2y^2$ là: Trả lời:

Câu 3: Tính nhanh giá trị biểu thức $34^2 - 31^2$: Trả lời:

Câu 4: Trong khai triển $(x + 5)^3$, hệ số của x^2 bằng: Trả lời:

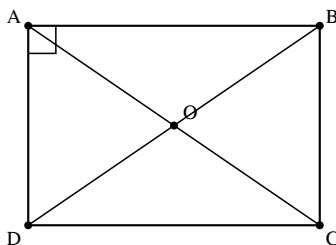
Câu 5: Thu gọn $3x^2 + 4x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng: Trả lời:

Câu 6: Cho hình bình hành ABCD có góc $A = 90^\circ$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O.

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình chữ nhật.

b) Chứng minh $OA = OB = OC = OD$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

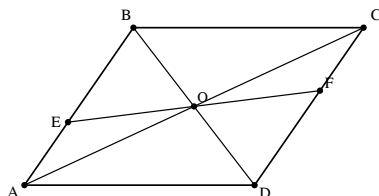


Câu 7: Cho hình bình hành ABCD. Trên cạnh AB lấy điểm E , trên cạnh CD lấy điểm F sao cho $AE = CF$.

a) Chứng minh tứ giác AECF là hình bình hành.

b) Gọi O là giao điểm của AC và BD. Chứng minh ba đường thẳng AC, BD và EF cùng đi qua O .

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử học kỳ 1 môn Toán lớp 8 (Nâng cao) —
Đề số 14

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	A	D	A	A	C	A	C	B	A	A

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	7	4	195	15	7	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*